

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B B
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17 / 2018 / HS-ST
Ngày: 14 / 3 /2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B B-TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Minh - Cán bộ hưu trí ; Nơi công tác: xã Hồng Thái.

Bà Phạm Thị Bích Lệ - Công chức; Nơi công tác: Phòng giáo dục – ĐT huyện

B B.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chiêm Vân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B B tham gia phiên tòa: Bà

Nguyễn Thụy Mỹ Tuyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày **14** tháng **3** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện B B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2018/TLST- HS ngày 30 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1-Văn Thu U, sinh ngày 17/4/1999

Nơi sinh: Tỉnh Bình Thuận.

Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn BH, xã PH, huyện B B, tỉnh Bình Thuận.

Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ văn hóa: Lớp 3/12; dân tộc: Chăm; giới tính: Nam; tôn giáo:Bà Ni; quốc tịch:Việt Nam; con ông Văn N, sinh năm 1963 (chết) và bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1963; Hiện ở thôn BH, xã PH, huyện B B, tỉnh Bình Thuận. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/10/2017 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B B, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2- Thông Minh T, sinh ngày 07/9/1999

Nơi sinh: Tỉnh Bình Thuận.

Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn BM, xã PH, huyện B B, tỉnh Bình Thuận.

Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Chăm; giới tính: Nam; tôn giáo:Bà Ni; quốc tịch:Việt Nam; con ông Thông H, sinh năm 1970 và bà Lư Thị Th, sinh năm 1966; Hiện ở thôn BM, xã PH, huyện B B, tỉnh Bình Thuận. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa

3- Khê Thu B, sinh ngày 25/6/2000

Nơi sinh: Tỉnh Bình Thuận.

Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn Bình Th, xã PH, huyện B B, tỉnh Bình Thuận.

Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Chăm; giới tính: Nam; tôn giáo: Bà Ni; quốc tịch: Việt Nam; con ông Khê T, sinh năm 1974 và bà Bá Thị Vẽ V, sinh năm 1974; Hiện ở thôn Bình Th, xã PH, huyện B B, tỉnh Bình Thuận. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa

Có Luật sư Nguyễn Thị Tuyết Nh – Văn phòng Luật sư Phương Nguyễn - Đoàn Luật sư Tỉnh Bình Thuận bào chữa chỉ định cho bị cáo Khê Thu B.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Khê Thu B: Bà Bá Thị Vẽ V, sinh năm 1974 là mẹ ruột của bị cáo (có mặt)

Đều trú tại: Bình Th, xã PH, huyện B B, tỉnh Bình Thuận.

- **Bị hại:** Huỳnh Ch, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Bình Th, xã PH, huyện B B, Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 16/5/2017, Văn Thu U cùng Thông Minh T, Khê Thu B và một số người bạn của U tổ chức uống rượu tại nhà của Huỳnh Thị N (là mẹ ruột của U) ở thôn BH, xã PH, huyện B B, lúc này có Huỳnh Ch, sinh năm 1980, ở thôn Bình Th, xã PH, huyện B B (là em ruột Nạn và là cậu ruột của U) đi đến nhà của Nạn ngủ, Chồng thấy U cùng một số bạn của U uống rượu nhưng không có mời, nên Chồng lấy tiền trong ví ra cho U 50.000đồng để đi mua mời về nhậu và Ch lấy tiền trong ví ra ra đếm; sau đó, Chồng đi vào trong nhà của Nạn lên võng lưới bằng dù nằm ngủ. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 17/5/ 2017 một số bạn của U nhậu say nằm ngủ tại hàng ba nhà của U, còn lại U, T và B tiếp tục ngồi nhậu. Lúc này, U nảy sinh ý định lấy trộm tiền của Chồng, nên kêu B ra cửa hông nhà bếp và nói: “ Hồi này, tao thấy ông Ch có tiền nhiều, giờ vào lấy trộm tiền chia nhau xài”, B trả lời: “ Nhà mày, mày làm gì thì làm, tao không làm”; nói xong, U và B quay lại chỗ nhậu, U nói với T: “ Thằng B nó không làm đâu, tao với mày làm”; T hỏi lại U: “ Làm cái gì”, U nói: “ Vô trộm tiền của ông Ch”, T nói lại: “ Nhà mày, mày làm cái gì thì tùy mày”; nghe vậy, Văn Thu U vào nhà đóng cửa chính lại, còn Thông Minh T và Khê Thu B đi ra sân bóng cách nhà của N khoảng 200m để đi vệ sinh. U đi đến chỗ Ch đang nằm ngủ trên võng thấy một phần của cái ví da lòi ra khỏi túi quần sau bên phải, U dùng tay trái móc cái ví ra nhưng không được, U đi ra nơi ngồi nhậu lấy 01 cây kéo bằng sắt, dài 22,5cm, màu đen, tay cầm có bọc một lớp nhựa mỏng; U dùng kéo cắt vào võng lưới bằng dù ngay vị trí túi quần sau bên phải của Ch sau đó, U tiếp tục dùng kéo cắt vào túi quần sau bên phải của Ch làm túi quần rách và U dùng tay trái

lấy cái ví da, rồi đến mở cửa chính đi ra ngoài; khi đi ra ngoài cửa cổng của nhà U, thì thấy T và B đang đi tới, U nói với T và B: “đã trộm được rồi”, U rủ B và T đi ra bờ Sông Cạn thuộc thôn BH, xã PH, huyện B B để U cho tiền. Khi ra đến bờ Sông Cạn, B bật quẹt ga cho U lấy tiền trong ví ra đếm, thì thấy có số tiền 10.100.000đồng (tiền VND), 02 tờ tiền đô la Mỹ(01 tờ có mệnh giá 01 đô la, 01 tờ có mệnh giá 02 đô la) và 01 chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Ch, U đưa cho B 3.000.000đồng, đưa cho T 3.100.000đồng, U giữ 4.000.000đồng; U lấy 02 tờ tiền đô la Mỹ và 01 chứng minh nhân dân bỏ vào trong ví da rồi ném xuống Sông Cạn nhằm phi tang. Sau đó, U, T và B đi về nhà của T ở thôn BH, xã PH ngụ. Đến sáng ngày 17/5/2017, Huỳnh Ch phát hiện mất ví tiền và làm đơn báo mất gửi Công an xã PH giải quyết. Công an xã PH tiến hành xác minh, mời U, T và B đến trụ sở làm việc. Tại đây, U, T và B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên, U, T và B đã giao nộp lại số tiền: 10.100.000đồng, Công an xã PH đã lập biên bản tạm giữ và giao trả lại cho người bị hại Huỳnh Ch. Ngoài ra, Cơ quan công an còn thu giữ: 01 cây kéo bằng sắt, dài 22,5cm, màu đen, phần tay cầm có bọc một lớp nhựa mỏng và 01 cái quần, vải màu xám tro, túi quần sau bên phải bị rách dài 20cm là vật chứng của vụ án.

*Tại bản kết luận định giá tài sản số 56/2017/HĐĐG-TTHS ngày 30/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B B, kết luận:

1. Tờ tiền đô la Mỹ(USD) mệnh giá 1 USD. Đơn giá: 22.680VND/USD, số lượng: 01 tờ, thành tiền: 22.680đồng.

2. Tờ tiền đô la Mỹ(USD) mệnh giá 2 USD. Đơn giá: 22.680VND/USD, số lượng: 01 tờ, thành tiền: 45.360đồng.

Tổng cộng (1+ 2): 68.040đồng (Sáu mươi tám ngàn, không trăm bốn chục đồng)

Về phần dân sự: Sau khi nhận số tiền 10.100.000đồng, Huỳnh Ch không yêu cầu bồi thường gì thêm (kể cả chi phí làm lại chứng minh nhân dân và giá trị của cái quần bị cắt rách) nên không xem xét giải quyết.

Cơ quan điều tra đã Truy hành truy tìm 01 cái ví da màu vàng nâu, bên trong có 02 tờ tiền đô la Mỹ (01 tờ có mệnh giá 01 đô la, 01 tờ có mệnh giá 02 đô la) và 01 chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Ch nhưng không tìm thấy, nên không có căn cứ xem xét, xử lý.

Về vật chứng vụ án: 01 cây kéo bằng sắt, dài 22,5cm, tay cầm có bọc một lớp nhựa mỏng màu đen và 01 cái quần bằng vải, màu xám tro, túi bên phải bị rách dài 20cm sẽ chuyển vào kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B B để xử lý theo quy định pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 06/QĐ/KSĐT/VKS-HS ngày 24/01/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình truy tố bị cáo Văn Thu U về tội “Trộm cắp tài sản” tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các bị cáo Thông Minh T và Khê Thu B về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B B giữ nguyên Quyết định truy tố đối với các bị cáo Văn Thu U, Thông Minh T và Khê Thu B. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Văn Thu U phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Các bị cáo Thông Minh T và Khê Thu B cùng phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Đề nghị áp dụng như sau:

- Đối với bị cáo Văn Thu U : Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị mức án đối với bị cáo Văn Thu U từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Đối với bị cáo Thông Minh T : Áp dụng: Khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Điểm b, i, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65; Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị mức án đối với bị cáo Thông Minh T từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo .Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, kể từ ngày tuyên án.

- Đối với bị cáo Khê Thu B: Áp dụng: Khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Điểm b, i, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65; Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị mức án đối với bị cáo Khê Thu B từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo .Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, kể từ ngày tuyên án.

- Các bị cáo Văn Thu U, Thông Minh T và Khê Thu B nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B B đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải và nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

-Người bị hại: Tại phiên tòa ông Huỳnh Ch trình bày đã nhận lại số tiền 10.100.000đồng và số tài sản bị mất chưa được thu hồi không yêu cầu gì thêm và yêu cầu HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay Luật sư luận cứ bào chữa cho bị cáo Khê Thu B trình bày : Luật sư Nguyễn Thị Tuyết Nhung người bào chữa chỉ định cho bị cáo Khê Thu B phát biểu: Thống nhất phần định tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Khê Thu B là có cơ sở và đúng pháp luật.

Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Khê Thu B phạm tội còn ở tuổi vị thành niên, áp dụng Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi , bổ sung năm 2017. Bản thân bị cáo có nhân thân tốt và chưa có tiền án, tiền sự. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo B là người chưa thành niên, khả năng nhận thức về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi còn nhiều hạn chế. Bị cáo khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đề nghị áp dụng điểm b, i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 91 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo. Thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát.

HĐXX xét thấy luận cứ bào chữa cho bị cáo Khê Thu B của Luật sư Nguyễn Thị Tuyết Nhung là có cơ sở để chấp nhận. Hội đồng xét xử, xét thấy đề nghị đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Văn Thu U, Thông Minh T và Khê Thu B đã thừa nhận vào khoảng 02 giờ sáng ngày 17/5/2017 tại nhà của Huỳnh Thị N ở thôn BH, xã PH, huyện B B do Văn Thu U thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 10.100.000đồng (tiền VND) và 02 tờ tiền đô la Mỹ(USD) trị giá 68.040đồng (tiền VND) và 01 CMND của Huỳnh Ch, tổng trị giá tài sản là 10.168.040đồng. Sau đó, Văn Thu U đưa cho Thông Minh T số tiền 3.100.000đồng và đưa cho Khê Thu B số tiền 3.000.000đồng ; T và B đều biết rõ số tiền nói trên do Văn Thu U trộm cắp mà có, nhưng vẫn cất giữ để tiêu xài cá nhân.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Văn Thu U phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các bị cáo Thông Minh T và Khê Thu B cùng phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 như cáo trạng truy tố và luận tội của Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng với quy định của pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo để có tiền tiêu xài, bị cáo Văn Thu U đã có hành vi lén lút, chiếm đoạt tài sản đang do người khác quản lý. Lợi dụng sơ hở của người quản lý, bị cáo chiếm đoạt tài sản rồi đem đi tiêu thụ. Hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo đã phạm tội trộm cắp tài sản, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự. Trong vụ án này bị cáo Văn Thu U có vai trò chính nên cần xử lý nghiêm khắc hơn bị cáo T và B. HĐXX xét thấy cần phải cách ly bị cáo Văn Thu U ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để có điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt.

Các bị cáo Thông Minh T và Khê Thu B biết rõ số tiền nói trên do Văn Thu U trộm cắp mà có, nhưng vẫn cất giữ để tiêu xài cá nhân.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được coi là hoàn thành kể từ khi các bị cáo chiếm đoạt tài sản đang do người khác quản lý và tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo nhận thức được trộm cắp và tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có là hành vi nguy hiểm cho xã hội phải bị xử lý nhưng do bản chất tham lam, tư lợi các bị cáo đã phạm tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự an xã hội vì vậy cần phải xử phạt nghiêm mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Văn Thu U, Thông Minh T và Khê Thu B đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Văn Thu U, Thông Minh T và Khê Thu B thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự đã tự nguyện giao nộp lại số tiền 10.100.000đồng để khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Riêng bị cáo Thông Minh T và Khê Thu B khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người chưa thành niên. HĐXX sẽ áp dụng Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo T và B khỏi xã hội mà để cho các bị cáo tự cải tạo với sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương là đủ. HĐXX áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2] Xét về nhân thân: Các bị cáo Văn Thu U, Thông Minh T và Khê Thu B đều có nhân thân tốt.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Văn Thu U nghề nghiệp không có ổn định, không có tài sản riêng, nên không áp dụng khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại số tiền 10.100.000đồng và không yêu cầu bồi thường gì thêm (kể cả chi phí làm lại chứng minh nhân dân và giá trị của cái quần bị cắt rách) nên không xem xét giải quyết.

- Đối với 01 cái ví da màu vàng nâu, bên trong có 02 tờ tiền đô la Mỹ (01 tờ có mệnh giá 01 đô la, 01 tờ có mệnh giá 02 đô la) và 01 chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Ch nhưng không tìm thấy, nên không có căn cứ xem xét, giải quyết.

[4] Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 cây kéo bằng sắt, dài 22,5cm, tay cầm có bọc một lớp nhựa mỏng màu đen và 01 cái quần bằng vải, màu xám tro, túi bên phải bị rách dài 20cm do Văn Thu U dùng vào việc phạm tội. Hiện đang tạm giữ tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B B nên tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: Các bị cáo Văn Thu U, Thông Minh T và Khê Thu B phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 269 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Văn Thu U phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm a, khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Văn Thu U 09 (chín) tháng tù.** Thời hạn tù được tính từ ngày 15/10/2017.

Tuyên bố: Các bị cáo Thông Minh T và Khê Thu B cùng phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng : Khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65, Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt : Bị cáo **Thông Minh T 06 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng**, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 14/3/2018.

Giao bị cáo Thông Minh T cho UBND xã PH, huyện B B, tỉnh Bình Thuận quản lý và giáo dục. Trong trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt : Bị cáo **Khê Thu B 06 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng**, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 14/3/2018.

Giao bị cáo Khê Thu B cho UBND xã PH, huyện B B, tỉnh Bình Thuận quản lý và giáo dục. Trong trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng: Điểm a, khoản 1, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự ;

Tuyên tịch thu, tiêu hủy: 01 cây kéo bằng sắt, dài 22,5cm, tay cầm có bọc một lớp nhựa mỏng màu đen và 01 cái quần bằng vải, màu xám tro, túi bên phải bị rách dài 20cm. Hiện đang tạm giữ tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B B (Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30/01/2018).

Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự ; Điểm a khoản 1 Điều 23 NQ 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Văn Thu U, Thông Minh T và Khê Thu B phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, Luật sư có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo Thông Minh T và Khê Thu B.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện B B;*
- Công an huyện Bắc Bình;*
- Chi cục THADS huyện B B;*
- Bị cáo; Bị hại;*
- Lưu HS+VP*

LÊ THỊ PHƯỢNG

